TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 847/2024/HS-PT
Ngày 17 - 9 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Trần Văn Đạt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 491/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Trần Lập N cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1 và Trần Thanh N2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1/. **Trần Lập N**, sinh năm 1975, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số B, đường số C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: Số A, đường C, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Tự L, sinh năm 1939 (chết) và bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1948; Gia đình có 04 chị, em, bị cáo là con nhỏ nhất; Vợ: Kim Thị Phương K, sinh năm 1983 (sống chung như vợ chồng, chưa đăng ký kết hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án; Tiền sự: Không; Bắt tạm giam: Ngày 25/10/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C (cơ sở T9) - Công an Thành phố H. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Trần Lập N: Luật sư Vũ Thanh H – Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

2/. **Nguyễn Thành N1 (Tên gọi khác: Phòng),** sinh ngày 08/12/1990 tại tỉnh Bạc Liêu; Nơi thường trú: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở hiện tại: Số A, Quốc lộ H, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Đăng kiểm viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960 và bà Dương Thị Thu H1, sinh năm 1960; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02; Vợ: Trần Thị Mỹ T2, sinh năm 1991; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án; Tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 15/10/2022; Tạm giam: Ngày 24/10/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn Thành N1: Luật sư Cao Thị Túy G – Đoàn Luật sư tỉnh B. (có mặt)

3/. **Trần Thanh N2,** sinh ngày 25/10/1973 tại thành phố Cần Thơ; Nơi thường trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi ở hiện tại: Số A, Quốc lộ H, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Đăng kiểm viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Nghị L1, sinh năm 1936 (chết) và bà Phan Thu T3, sinh năm: 1936; Gia đình có 07 anh, em, bị cáo là con thứ 6; Vợ: Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1977; Con: Có 01 con, sinh năm 2007; Tiền án; Tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 15/10/2022; Tạm giam: Ngày 24/10/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trần Thanh N2: Luật sư Nguyễn Tấn T4 – Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (có mặt)

(Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không tiến hành triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Đ1 trực thuộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ2 do bà Trần Thị Ngọc T5 làm Chủ tịch kiêm Giám đốc. Trung tâm hoạt động theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động đăng kiểm số 6602D/ĐKVN-1 do Cục Đ3 cấp ngày 24/01/2022. Lĩnh vực hoạt động đăng kiểm phương tiện xe cơ giới, dây chuyền kiểm định loại II, địa chỉ tại số A, Quốc lộ H, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trung tâm do bị cáo Trần Lập N (em ruột Trần Thị Ngọc T5) làm chủ đầu tư, quản lý và điều hành. Nhân sự Trung tâm tại thời điểm bắt quả tang gồm: Nguyễn Thành N1 - Giám đốc, Đăng kiểm viên xe cơ giới; Trần Thị Ngọc D - Nhân viên văn phòng; Trần Thanh N2 - Đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao; Lê Minh N3 - Nhân viên thực tập; Kim Thị Huỳnh D1 - Nhân viên văn phòng.

Trước khi Trung tâm hoạt động với vai trò chủ đầu tư và là quản lý điều hành Trung tâm, bị cáo Trần Lập N tổ chức cuộc họp tại Trung tâm có mặt N1,

D, N2 để bàn và thống nhất nhiệm vụ của từng nhân sự cũng như hoạt động hành chính và chuyên môn đăng kiểm của Trung tâm; tại đây N đã đưa ra chủ trương thu tiền phụ thu bỏ qua lỗi khi kiểm định phương tiện có lỗi không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận để cấp sổ kiểm định, mặc dù không nêu rõ mức giá nhận tiền hối lộ bỏ qua lỗi là bao nhiêu nhưng chủ trương này của N đã được các nhân viên N1, N2, D, N3 thực hiện trong quá trình đăng kiểm xe cơ giới tại Trung tâm. N thành lập nhóm trên Viber đặt tên là "66-02D", mục đích để các bị cáo trao đổi, thông báo lỗi của phương tiện để đưa ra giá tiền phụ thu. Quá trình điều tra xác định có 02 cách thức gợi ý nhận hối lộ của các chủ phương tiện khi đến trung tâm đăng ký thủ tục đăng kiểm xe cơ giới như sau:

- Trường hợp chủ phương tiện đến đăng kiểm theo quy trình thì đến bàn làm việc của bị cáo D đăng ký đăng kiểm D ghi số thứ tự, sau đó chủ phương tiện điều khiển xe ra phía sau của Trung tâm để vào khu vực kiểm định theo quy trình 05 công đoạn do bị cáo N1 - Đăng kiểm viên, N2 - Đăng kiểm viên bậc cao và N3 - Nhân viên thực tập thực hiện, bị cáo N2 là người kết luận sau cùng về kết quả kiểm định, khi phát hiện phương tiện có lỗi N2 ghi phiếu sửa chữa để chủ phương tiện cầm phiếu quay lại gặp bị cáo D. D đặt vấn đề với chủ phương tiện và đưa ra số tiền phụ thu cụ thể để được kiểm định lại và bỏ qua lỗi, có trường hợp D trao đổi với Nguyễn thống n lỗi và mức phụ thu. Khi chủ phương tiện thống nhất đóng tiền phụ thu, thì D nhắn lên trên nhóm "66-02D" thông tin về biển kiểm soát phương tiện và số tiền phụ thu. Sau khi chủ phương tiện đóng tiền xong thì mang phương tiện quay trở vào thực hiện kiểm định lại, các bị cáo N1, N2, N3 thực hiện các công đoạn, sửa trên phiếu đăng kiểm kết quả "đạt" và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho chủ phương tiện.

- Trường hợp khi chủ phương tiện đến đăng ký thông tin để đăng kiểm và biết lỗi của xe mình là gì thì bị cáo D gợi ý tại Trung tâm có dịch vụ làm nhanh, nếu chủ phương tiện đồng ý nộp tiền phụ thu (không phiếu thu) để được bỏ qua lỗi thì bị cáo D sẽ thông báo trên nhóm "66-02D" thông tin biển kiểm soát của phương tiện, giá tiền phụ thu để các bị cáo N1, N2, N3, D1 biết thực hiện. Khi kiểm định nếu phương tiện có lỗi thật thì các bị cáo N1, N2, N3 thực hiện qua loa các công đoạn và cho ra kết quả kiểm định "đạt" để cấp giấy chứng nhận kiểm định.

Tùy mức độ lỗi các bị cáo D, Nguyễn ra giá thu từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng/phương tiện, nếu đồng ý thì chủ phương tiện đến nộp tiền cho bị cáo D1 hoặc Nhí thu. Ngoài ra, bị cáo D1 và N3 còn có nhiệm vụ thu các loại phí của Trung tâm như phí sử dụng đường bộ (có ra biên lai); phí kiểm định xe cơ giới, phí bảo hiểm, lệ phí cấp giấy chứng nhận (không có ra biên lai). Cuối ngày bị cáo D1 hoặc N3 tổng hợp các khoản thu và chuyển tiền phí đường bộ vào tài khoản của Công ty Đ2 để nộp về Cục Đăng kiểm theo quy định, tiền nhận hối lộ (tiền phụ thu) và các khoản khác thì chuyển vào tài khoản của bị cáo N. Trong ngày 14/10/2022 các bị cáo bị bắt quả tang đã nhận tiền phụ thu của 44 phương tiện để bỏ qua lỗi khi kiểm định với số tiền 18.600.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định từ ngày 08/02/2022 Trung tâm 66-02D khai trương đi vào hoạt động đến khi bị bắt quả tang các bị cáo đã nhận tiền phụ thu của 5.202 phương tiện không đạt chuẩn với tổng số tiền 2.402.600.000 đồng. Toàn bộ số tiền này đều chuyển vào tài khoản số 102870187342 Ngân hàng V - Chi nhánh L4 – Phòng G1 của bị cáo N, các bị cáo khác không hưởng lợi từ số tiền này mà chỉ làm công ăn lương cố định hàng tháng.

Hành vi giả mạo trong công tác: Do quy định mỗi dây chuyền kiểm định xe cơ giới phải có 03 đăng kiểm viên nhưng tại Trung tâm không đủ nhân lực nên bị cáo Trần Lập N chỉ đạo và cung cấp thông tin họ tên đăng kiểm viên cho bị cáo Nguyễn lập khống hợp đồng lao động bằng cách ký giả chữ ký của đăng kiểm viên trên hợp đồng lao động để hợp thức hóa hồ sơ gửi về Cục Đ4 thuộc Bộ G2. Quá trình Trung tâm hoạt động việc bố trí nhân sự do N điều hành thông qua N1, trong đó thời gian đăng kiểm viên làm việc tại trung tâm do N quyết định, nên N chỉ đạo Nguyễn lập khống các hợp đồng lao động và các Quyết định cho nghỉ việc phù hợp để giả mạo đăng kiểm viên trên các thủ tục thực hiện quy trình đăng kiểm xe cơ giới. Cụ thể, thủ đoạn thực hiện việc giả mạo Đăng kiểm viên bằng hình thức Giám đốc công ty Đ2 là T5 ký hợp đồng lao động, bị cáo N1 - Giám đốc Trung tâm Đ1 ký Quyết định cho thôi việc đối với các đăng kiểm viên khống này.

Các đăng kiểm viên có hợp đồng lao động và thôi việc tại Trung tâm Đ1 là: Vũ Thanh Toàn hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 28/3/2022 đến ngày 30/4/2022 có quyết định cho nghỉ việc; Phan Văn L2 hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 07/7/2022 đến ngày 10/9/2022 có quyết định cho nghỉ việc; Tăng Phương Đ hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 22/3/2022 đến ngày 20/3/2023 có quyết định cho nghỉ việc; Trần Minh L3 hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 20/12/2021 đến ngày 21/3/2022 có quyết định cho nghỉ việc; Trần Quang S hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 25/4/2022 đến ngày 07/7/2022 có quyết định cho nghỉ việc; Thạch Minh D2 hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 10/01/2021 đến ngày 10/7/2022 có quyết định cho nghỉ việc.

Các Đăng kiểm viên T6, Đ, S không có mặt làm việc tại Trung tâm, Nguyễn giả mạo chữ ký của Đăng kiểm viên trên các sổ phân công nhiệm vụ và ghi tên các đăng kiểm viên này trên Phiếu kiểm định. Trần Minh L3, Phan Văn L2 đều khai nhận được N điều chuyển tăng cường cho Trung tâm 66-02D một thời gian ngắn từ vài tuần đến một tháng, nhưng không có ký hợp đồng lao động, không hưởng lương tại Trung tâm. Ngoài ra, có tên đăng kiểm viên Lê Tấn T7 trong các Phiếu kiểm định của tháng 9 và tháng 10/2022, nhưng thực tế T7 không có hợp đồng lao động và không có mặt làm việc thực tế tại Trung tâm.

Dưới sự chỉ đạo về nhân sự của N, Nguyễn luân p ghi tên các đăng kiểm viên nêu trên là người thực hiện các công đoạn 01 và công đoạn 02 trên các Phiếu kiểm định, nhưng thực tế người thực hiện hai công đoạn này là nhân viên thực tập (bị cáo N3). Theo quy định các công đoạn kiểm tra phương tiện phải đầy đủ tên đăng kiểm viên phụ trách từng công đoạn, nhưng thực tế đăng kiểm viên tại trung tâm không đủ để đảm nhiệm các công đoạn này (05 công đoạn) nên khi lập các phiếu kiểm định buộc phải ghi tên các đăng kiểm viên khống vào mới đủ số lượng,

kết quả điều tra xác định có 3.849 phiếu ghi thêm tên các đăng kiểm viên không có mặt làm việc tại Trung tâm. Các phiếu này do Nguyễn lập, N2 ký tên phụ trách dây chuyền theo sự chỉ đạo của N1. Cơ quan điều tra chỉ thu thập được 02 phiếu lập hồ sơ phương tiện do N1 trực tiếp giả chữ ký của Vũ Thanh T8 trên phiếu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh N2, cùng phạm tội *"Nhận hối lộ"*; Các bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1 phạm tội *"Giả mạo trong công tác"*.

1/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 354; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Lập N 17 (Mười bảy) năm tù về tội *"Nhận hối lộ"*.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 359, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Lập N 12 (Mười hai) năm tù về tội *"Giả mạo trong công tác"*.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Trần Lập N phải chấp hành là 29 (Hai mươi chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25/10/2022.

- Căn cứ khoản 5 Điều 354, khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung 30.000.000 đồng đối với tội "Nhận hối lộ", phạt bổ sung 10.000.000 - đồng đối với tội "Giả mạo trong công tác".

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt bổ sung 02 tội là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

2/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 354; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N1 15 (Mười lăm) năm tù về tội *"Nhận hối lộ"*.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 359; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N1 07 (B) năm tù về tội "*Giả mạo trong công tác"*.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Thành N1 phải chấp hành là 22 (Hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 15/10/2022.

3/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 354; điểm s, t khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N2 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 15/10/2022.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị Ngọc D, Lê Minh N3, Kim Thị Huỳnh D1, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 08/5/2024, bị cáo Nguyễn Thành N1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/5/2024, bị cáo Trần Thanh N2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/5/2024 bị cáo Trần Lập N có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội *"Nhận hối lộ"* nhưng không nêu rõ ai là người đưa hối lộ, chỉ có danh sách chung chung không có tên tuổi, địa chỉ; đồng thời đề nghị không xem xét xử lý bị cáo về tội *"Giả mạo trong công tác"*.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Lập N thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai tội, các bị cáo Nguyễn Thành N1, Trần Thanh N2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là đúng người đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ hình phạt nào đặc biệt mới để xem xét giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Luật sư* Vũ Thanh H *bào chữa cho bị cáo* Trần Lập N *tranh luận:* Luật sư thống nhất về tội danh. Về hình phạt, đối với tội *"Nhận hối lộ"*, bị cáo chỉ đạo bằng miệng cho các bị cáo khác, hành vi này xảy ra ở nhiều địa phương, bị cáo đã khắc phục phần lớn tiền thu lợi bất chính thể hiện bị cáo đã ăn năn hối cải, tự nhận thức được hành vi của bị cáo là sai. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp hơn để bị cáo sớm trở về với cộng đồng.

- *Luật sư* Cao Thị Túy G *bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Thành N1 *tranh luận:* Luật sư thống nhất về tội *"Nhận hối lộ"*, riêng về tội *"Giả mạo trong công tác"*, bị cáo làm việc trong lĩnh vực ngoài Nhà nước nên đề nghị xem xét lại. Bị cáo là người làm công ăn lương, từ đầu N và các bị cáo khác đều thừa nhận bị cáo Nguyễn điều h theo chỉ đạo của N; bị cáo đã thành khẩn khai báo từ đầu, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, khắc phục hậu quả nhưng cấp sơ thẩm xác định bị cáo không thu lợi bất chính nên không đồng ý cho bị cáo nộp và không áp dụng tình tiết khắc phục hậu quả. Hiện nay bị cáo N đã khắc phục hơn 1,6 tỷ đồng nên đề nghị áp dụng luôn tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo khác. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, con nhỏ, vợ không có nghề nghiệp ổn định, cha bị ung thư phổi, mẹ cao tuổi ốm nặng không có khả năng lao động, ông ngoại có công với cách

mạng. Mức án đối với bị cáo quá nặng so với bị cáo khác cùng tội danh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- *Luật sư* Nguyễn Tấn T4 *bào chữa cho bị cáo* Trần Thanh N2 *tranh luận:* Sau khi bị tạm giam thì bệnh suy giảm thính lực của bị cáo N2 đã nặng hơn; bị cáo chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, phải nuôi mẹ già. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh N2 làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Trung tâm Đ1 trực thuộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ2 do bà Trần Thị Ngọc T5 làm Chủ tịch kiêm Giám đốc; bị cáo Trần Lập N (em ruột Trần Thị Ngọc T5) làm chủ đầu tư, quản lý và điều hành. N thống nhất với Nguyễn Thành N1 - Giám đốc, Đăng kiểm viên xe cơ giới; Trần Thị Ngọc D - Nhân viên văn phòng; Trần Thanh N2 - Đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao thống nhất chủ trương thu tiền phụ thu để bỏ qua lỗi khi kiểm định phương tiện không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận để cấp sổ kiểm định. Kết quả điều tra xác định từ ngày 08/02/2022 Trung tâm 66-02D khai trương đi vào hoạt động đến khi bị bắt quả tang các bị cáo N, N1, D, N2, Lê Minh N3, Kim Thị Huỳnh D1 đã nhận tiền phụ thu của 5.202 phương tiện không đạt chuẩn với tổng số tiền 2.402.600.000 đồng. Toàn bộ số tiền này đều chuyển vào tài khoản số 102870187342 Ngân hàng V - Chi nhánh L4 – Phòng G1 của bị cáo Trần Lập N.

Ngoài ra, theo quy định, hoạt động đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và đảm bảo các chỉ số về bảo vệ môi trường của phương tiện phải do các đăng kiểm viên thực hiện. Mỗi phương tiện có thể được đánh giá bởi một hoặc nhiều đăng kiểm viên, nhưng phải đảm bảo mỗi dây chuyền kiểm định có tối thiểu 03 đăng kiểm viên, trong đó có ít nhất một đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao. Do tình trạng nhân lực của Trung tâm 66-02D không đủ theo quy định nên N chỉ đạo Nguyễn Thành Nguyễn lập khống các hợp đồng lao động với các đăng kiểm viên hoặc người không là đăng kiểm viên, không có trình độ chuyên môn về đăng kiểm; từ đó hợp thức hóa quá trình đăng kiểm xe cơ giới cũng như quá trình lập hồ sơ phương tiện, kiểm định, in Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định và báo cáo kết quả kiểm định trái pháp luật. Kết quả điều tra xác định có 3.849 phiếu ghi thêm tên các đăng kiểm viên không có mặt làm việc tại Trung tâm. Các phiếu này do Nguyễn lập, N2 ký tên phụ trách dây chuyền theo sự chỉ đạo của N1. Cơ quan điều tra thu thập được 02 phiếu lập hồ sơ phương tiện do N1 trực tiếp giả chữ ký của đăng kiểm viên Vũ Thanh T8 trên phiếu.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1 phạm tội *"Nhận hối lộ"*, *"Giả mạo trong công tác"* theo điểm a khoản 4 Điều 354 và điểm b khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Thanh N2 phạm tội *"Nhận hối lộ"* theo điểm a khoản 4 Điều 354 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội. Vì vậy, cần áp dụng mức án đủ nghiêm để giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N 17 năm tù về tội *"Nhận hối lộ"*, 12 năm tù về tội *"Giả mạo trong công tác"*; xử phạt bị cáo N1 15 năm tù về tội *"Nhận hối lộ"*, 07 năm tù về tội *"Giả mạo trong công tác"*; bị cáo N2 15 năm tù về tội *"Nhận hối lộ"* là trong khung hình phạt, phù hợp với quy định pháp luật.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo Trần Lập N có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; đã khắc phục số tiền 1.600.000.000 đồng cho hành vi nhận hối lộ. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành N1 và Trần Thanh N2 tự nguyện thay bị cáo N khắc phục số tiền còn lại. Đối với tội *"Giả mạo trong công tác"*, bị cáo bị xét xử theo khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù. Việc bị cáo giả hồ sơ, chữ ký của đăng kiểm viên nhằm mục đích bỏ qua các lỗi kỹ thuật để thực hiện hành vi *"Nhận hối lộ"*; mức hình phạt 12 năm tù đối với bị cáo về hành vi này cũng có phần nghiêm khắc. Đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; mức độ khắc phục hậu quả của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Thành N1 và Trần Thanh N2, các bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, phụ thuộc vào bị cáo N; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, không hưởng lợi ích vật chất trong vụ án; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo N1 có thân nhân có công với cách mạng; bị cáo N2 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện nay sức khỏe không đảm bảo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N1 và N2 đã tự nguyện nộp thêm mỗi bị cáo số tiền 231.305.000 đồng tiền tham ô mà bản án sơ thẩm buộc bị cáo N phải nộp lại. Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án, tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo N1 và bị cáo N2, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1 và Trần Thanh N2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1 và Trần Thanh N2.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh N2 cùng phạm tội *"Nhận hối lộ"*; Các bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1 phạm tội *"Giả mạo trong công tác"*.

1/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 354; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Lập N 16 (mười sáu) năm tù về tội *"Nhận hối lộ"*.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 359, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Lập N 11 (mười một) năm tù về tội *"Giả mạo trong công tác"*.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Trần Lập N phải chấp hành là **27 (hai mươi bảy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25/10/2022.

- Căn cứ khoản 5 Điều 354, khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung 30.000.000 đồng đối với tội "Nhận hối lộ", phạt bổ sung 10.000.000 - đồng đối với tội "Giả mạo trong công tác".

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt bổ sung 02 tội là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

2/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 354; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N1 14 (mười bốn) năm tù về tội *"Nhận hối lộ"*.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 359; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N1 06 (sáu) năm tù về tội "*Giả mạo trong công tác"*.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Thành N1 phải chấp hành là **20 (hai mươi) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 15/10/2022.

3/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 354; điểm s, t khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N2 **13 (mười ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 15/10/2022.

4/. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh N2 để đảm bảo thi hành án.

5/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6/. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Lập N, Nguyễn Thành N1 và Trần Thanh N2 không phải chịu.

7/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (4);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp (1);
- Công an tỉnh Đồng Tháp (1);
- Trại Tạm giam – CA tỉnh Đồng Tháp (4);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu VP(3), HS(2). 20b.LTTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy